

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VÀ VIỆC CÔNG NHẬN PHÁP NHÂN TÔN GIÁO THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Tóm tắt: Bước vào thời kỳ Đổi mới, một trong những vấn đề đặt ra của công tác tôn giáo, công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo là việc công nhận đối với các tổ chức tôn giáo. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng, từ năm 1995 đến năm 2004, ba tôn giáo lớn ở miền Nam là đạo Cao Đài, Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo, Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) được công nhận pháp nhân. Từ những kết quả và kinh nghiệm đã đạt được, Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004 và sau này là Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định cụ thể về việc công nhận pháp nhân tôn giáo. Từ đây việc công nhận pháp nhân tôn giáo ở Việt Nam thực hiện theo quy định pháp luật và đạt được những kết quả rất quan trọng.

Từ khóa: Chính sách tôn giáo, Pháp nhân tôn giáo, quy định pháp luật, quá trình thực hiện

Dẫn nhập

Việt Nam là quốc gia đa dạng về tôn giáo và đa dạng về tổ chức tôn giáo. Thời điểm sau năm 1975 ở Việt Nam có nhiều tổ chức tôn giáo hoạt động độc lập, chủ yếu ở các tỉnh phía Nam. Cụ thể: Phật giáo gồm chín tổ chức, trong đó có hai tổ chức lớn là Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam ở miền Bắc, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất ở miền Nam,... Công giáo với 25 giáo phận ở ba giáo tỉnh: Hà Nội, Huế và Sài Gòn; đạo Tin Lành với mười tổ chức, trong đó có Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc), Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam),... đạo Cao Đài có hơn mười tổ chức, như: Hội thánh Cao Đài Tây Ninh, Hội thánh Cao Đài Ban Chính Đạo, Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên, Hội thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo,... và nhiều cơ sở tôn

* Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 15/6/2024; Ngày biên tập: 17/6/2024; Duyệt đăng: 15/10/2024.

tại độc lập; Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo phân rẽ thành ba tổ chức khác nhau; Hồi giáo (Islam giáo) với hai tổ chức: Hiệp Hội Chăm Hồi giáo Việt Nam và Hội đồng Giáo cả các thánh đường Hồi giáo Việt Nam; Hội đồng Tinh thần Baha'i Việt Nam; các tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ, như: Tịnh độ Cư sỹ Phật hội Việt Nam, Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn, Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo, Minh Lý đạo - tam tông miếu,...

Sau năm 1975, vì nhiều lý do, trong đó có nhận thức về tôn giáo theo xu hướng nhấn mạnh khía cạnh chính trị nên hầu hết các tổ chức tôn giáo ở miền Nam đều không có tư cách pháp nhân - địa vị pháp lý để hoạt động về tổ chức. Giai đoạn đầu của thời kỳ Đổi mới, dưới sự chỉ đạo của Đảng, Nhà nước công nhận các tổ chức Cao Đài, Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo và Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam). Sau khi tổng kết rút kinh nghiệm, đến Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (2004) mới chính thức có quy phạm pháp luật cụ thể về công nhận pháp nhân tôn giáo. Thực hiện Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (2004), hầu hết các tổ chức tôn giáo có từ trước năm 1975 ở miền Nam và những tổ chức tôn giáo khác đủ điều kiện theo quy định pháp luật đều được công nhận tư cách pháp nhân.

Vấn đề pháp nhân tôn giáo ở Việt Nam là vấn đề mới, nhất là sau Đổi mới. Đến nay, vấn đề pháp nhân tôn giáo nói chung chưa có nhiều công trình được công bố. Bài viết này dựa vào các tư liệu văn bản về pháp luật tín ngưỡng, tôn giáo như: *Văn bản pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo* (2004, 2015) của Ban Tôn giáo Chính phủ; *Hồ sơ công nhận tổ chức tôn giáo sau Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo 2005-2016*; *Tài liệu giới thiệu Luật Tín ngưỡng, tôn giáo* của Ban Tôn giáo Chính phủ và cuốn sách *Tôn giáo-Nhà nước-Pháp luật* của tác giả Đỗ Quang Hưng. Ngoài ra, còn là tài liệu cá nhân thu thập được khi tác giả công tác tại Ban Tôn giáo Chính phủ.

1. Quy định pháp luật về việc công nhận pháp nhân tôn giáo

Bước vào thời kỳ Đổi mới, có nhiều quy định pháp luật đối với hoạt động tôn giáo. Cụ thể, ngày 21/3/1991 Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành Nghị định 69/NĐ-HĐBT *Quy định về các hoạt động tôn giáo*; sau đó ngày 19/4/1999, Chính phủ ban hành Nghị định 26/1999/NĐ-CP *Về các hoạt động tôn giáo* thay thế Nghị định số 69/NĐ-HĐBT; ngày 18/6/2004, Thường vụ Quốc hội khóa XI đã ban

hành *Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo*. Sau 12 năm thực hiện Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo, ngày 11/12/2016, Quốc hội Khóa XIV ban hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo,...

Vì là vấn đề mới, nhạy cảm nên các văn bản quy phạm pháp luật trước Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (2004) như Nghị định 69/NĐ-HDBT (1991), Nghị định 26/NĐ-CP (1999) đều không có nội dung về pháp nhân tôn giáo. Phải đợi đến Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004 mới có quy định cụ thể về công nhận tổ chức tôn giáo qua hai bước: đăng ký hoạt động tôn giáo và công nhận tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.

Theo Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (2004), pháp nhân tôn giáo ở Việt Nam trải qua hai bước: Trước hết là đăng ký hoạt động tôn giáo và sau khi đăng ký hoạt động tôn giáo phải có thời gian chứng minh hoạt động tôn giáo ổn định: “*c. Có đăng ký hoạt động tôn giáo và hoạt động tôn giáo ổn định*” [Ban Tôn giáo Chính phủ, 2004: 12] để công nhận tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc. Sau này, Nghị định 92/NĐ-CP, ngày 08/11/2012 của Chính phủ *Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo* đã quy định cụ thể điều kiện đăng ký hoạt động tôn giáo của một tổ chức tôn giáo. Cụ thể: (1) Có sinh hoạt tôn giáo ổn định từ 20 năm trở lên kể từ ngày được Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận sinh hoạt tôn giáo, không vi phạm các quy định; (2) Là tổ chức của những người có cùng niềm tin; có giáo lý, giáo luật, lễ nghi, đường hướng hành đạo và hoạt động gắn với dân tộc, không trái với thuần phong, mỹ tục và quy định của pháp luật; (3) Không thuộc tổ chức tôn giáo đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; (4) Tên gọi của tổ chức không trùng với tên các tổ chức tôn giáo đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận hoặc tên các danh nhân, anh hùng dân tộc; (5) Có địa điểm hợp pháp để hoạt động tôn giáo; (6) Có người đại diện là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có uy tín trong tổ chức và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật [Ban Tôn giáo Chính phủ, 2015: 28-29].

Nghị định 92/NĐ-CP (2012) đã quy định cụ thể thẩm quyền và thời hạn trả lời của việc cấp đăng ký hoạt động tôn giáo. Cụ thể: Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở Trung ương có trách nhiệm cấp đăng ký cho tổ chức có phạm vi hoạt động ở nhiều tỉnh, thành phố trực

thuộc Trung ương; trường hợp từ chối cấp đăng ký phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo cấp tỉnh có trách nhiệm cấp đăng ký cho tổ chức có phạm vi hoạt động chủ yếu ở một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; trường hợp từ chối cấp đăng ký phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do”. Nghị định 92/NĐ-CP (2012) quy định rõ thẩm quyền công nhận và thời hạn trả lời [Ban Tôn giáo Chính phủ, 2015].

Một vấn đề quan trọng đặt ra đối với tổ chức tôn giáo sau khi đăng ký hoạt động có địa vị pháp lý như thế nào, và nhất là được hoạt động tôn giáo đến mức nào. Theo Nghị định 92/NĐ-CP (2012), khi được cấp đăng ký hoạt động, tổ chức tôn giáo đã có địa vị pháp lý, hay nói cách khác là có tính hợp pháp. Và, tổ chức tôn giáo sau khi cấp đăng ký hoạt động được triển khai các hoạt động cụ thể: (1) Tổ chức các buổi lễ tôn giáo, thực hiện nghi lễ, truyền đạo, giảng đạo tại địa điểm sinh hoạt tôn giáo đã đăng ký; (2) Tổ chức đại hội thông qua hiến chương (điều lệ) và các nội dung có liên quan trước khi đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; (3) Bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức, mở lớp bồi dưỡng giáo lý; (4) Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp công trình thuộc cơ sở tôn giáo; (5) Hoạt động từ thiện nhân đạo [Ban Tôn giáo Chính phủ, 2015: 30-31].

Việc công nhận tổ chức tôn giáo. Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (2004) đã quy định mang tính pháp lý về việc công nhận tổ chức tôn giáo. Cụ thể, về điều kiện công nhận: (1) Là tổ chức của những người có cùng tín ngưỡng, có giáo lý, giáo luật, lễ nghi không trái với thuần phong, mỹ tục, lợi ích của dân tộc; (2) Có hiến chương, điều lệ thể hiện tôn chỉ, mục đích, đường hướng hành đạo gắn bó với dân tộc và không trái với quy định của pháp luật; (3) Có đăng ký hoạt động tôn giáo và hoạt động tôn giáo ổn định; (4) Có trụ sở, tổ chức và người đại diện hợp pháp; (5) Có tên gọi không trùng với tên gọi của tổ chức tôn giáo đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận” [Ban Tôn giáo Chính phủ, 2004: 12]. Sau này, Nghị định 92/NĐ-CP (2012) đã quy định rõ thời gian từ khi đăng ký đến công nhận tổ chức tôn giáo và điều kiện công nhận tổ chức tôn giáo. Cụ thể: 1- Sau thời gian ba năm (Nghị định 22/NĐ-CP (2005) quy định là 20 năm) kể từ ngày được cấp đăng ký hoạt động tôn giáo, tổ chức có hoạt động tôn giáo liên tục, không vi phạm các quy định của Nghị định này và đáp ứng các điều kiện quy

định được quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận tổ chức tôn giáo; 2- Tổ chức có trách nhiệm gửi hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định [Ban Tôn giáo Chính phủ, 2015: 32].

Nghị định 92/NĐ-CP (2012) quy định cụ thể về hồ sơ, gồm: 1- Văn bản đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo, trong đó nêu rõ tên tôn giáo, tên tổ chức đề nghị công nhận, tên giao dịch quốc tế (nếu có), họ và tên người đại diện tổ chức, số lượng tín đồ, phạm vi hoạt động của tổ chức tại thời điểm đề nghị, cơ cấu tổ chức, trụ sở chính của tổ chức; 2- Báo cáo tóm tắt quá trình hoạt động của tổ chức từ khi được cấp đăng ký hoạt động tôn giáo; 3- Giáo lý, giáo luật, lễ nghi; 4- Hiến chương (điều lệ) của tổ chức [Ban Tôn giáo Chính phủ, 2015: 31-32].

Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (2004) quy định về thẩm quyền các cấp chính quyền công nhận tổ chức tôn giáo. Cụ thể: 1- Thủ tướng Chính phủ công nhận tổ chức tôn giáo có phạm vi hoạt động ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; 2- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công nhận tổ chức tôn giáo có phạm vi hoạt động chủ yếu ở một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”. Sau này, Nghị định 92/NĐ-CP đã quy định cụ thể thẩm quyền và thời hạn trả lời của việc công nhận tổ chức tôn giáo. Cụ thể: Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Thủ tướng Chính phủ xét công nhận tổ chức tôn giáo có phạm vi hoạt động ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; trường hợp không công nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét công nhận tổ chức tôn giáo có phạm vi hoạt động chủ yếu ở một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; trường hợp không công nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do [Ban Tôn giáo Chính phủ, 2015].

Các quy định pháp luật về đăng ký và công nhận tổ chức tôn giáo theo Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (2016), về cơ bản giống với Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (2004), chỉ có một số nội dung bổ sung thêm. Cụ thể:

Về khoảng thời gian được công nhận: Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (2016) quy định thời gian từ khi tổ chức tôn giáo đăng ký cho đến khi công nhận là năm năm. Trước đó, Nghị định 22/NĐ-CP (2005) quy định là 20 năm; sau đó Nghị định 92/NĐ-CP (2012) là ba năm.

Về hồ sơ: Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (2016) có thêm phần kê khai tài sản của tổ chức tôn giáo. Đặc biệt, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (2016) quy định rất cụ thể về hiến chương (điều lệ), những nội dung mà hiến chương phải thể hiện, việc sửa đổi hiến chương,... [Ban Tôn giáo Chính phủ, 2017].

Về cơ quan có thẩm quyền công nhận, trước đây theo Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (2004) là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với tổ chức tôn giáo trong phạm vi một tỉnh, Thủ tướng Chính phủ đối với tổ chức tôn giáo trong phạm vi nhiều tỉnh, đến nay, theo Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (2016), cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cấp Trung ương công nhận đối với chức tôn giáo trong phạm vi nhiều tỉnh, và thời gian ở cả hai cấp trung ương và tỉnh thành đều sau 60 ngày sau khi nhận đủ hồ sơ [Ban Tôn giáo Chính phủ, 2017].

Ngoài những thủ tục như nói trên, có hai điều cần quan tâm liên quan đến pháp nhân tôn giáo của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (2016): *một là,* trước đây Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (2004) khi công nhận tổ chức tôn giáo không dùng cụm từ pháp nhân, nay Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (2016) công nhận tổ chức tôn giáo thuộc cơ chế “pháp nhân phi thương mại”; *hai là,* việc đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung của cộng đồng tôn giáo mới được công nhận không chỉ đối với những tôn giáo đã được công nhận mà cả đối với những tôn giáo mới được công nhận nếu đủ điều kiện theo pháp luật. Việc đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung sẽ hình thành những tổ chức tôn giáo mới có tư cách pháp nhân. Điều quan trọng hơn là giải quyết được việc sinh hoạt tôn giáo của tín đồ khi tổ chức tôn giáo chưa có tư cách pháp nhân - một vấn đề mà trước đây vướng mắc.

2. Pháp nhân tôn giáo theo Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (2004) cho đến năm 2018

Sau khi Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004 có quy định cụ thể về công nhận tổ chức tôn giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ xây dựng *Chương trình công tác xem xét công nhận các tổ chức Tin lành* trình Chính phủ qua Công văn 1002/CV-TGCP, ngày 14/12/2005. Vì công nhận các tổ chức tôn giáo nói chung thực hiện theo quy định pháp luật là vấn đề mới và nhạy cảm nên Phó Thủ tướng Vũ Khoan chỉ đạo qua Công văn số 84/VPCP-NC, ngày 26/01/2006, theo đó mở rộng đối với các tổ chức tôn giáo, trong đó có các tổ chức Tin Lành chưa được công

nhận. Sau khi Ban Bí thư có ý kiến qua Công văn số 547-CV/TW, ngày 07/4//2006 và sự đồng thuận của các ngành, Ban Tôn giáo Chính phủ trình Kế hoạch 08/KH-TGCP, ngày 04/5/2006 *Triển khai thực hiện đối với một số tổ chức tôn giáo chưa được công nhận* qua Công văn số 345/TGCP-PCTT, ngày 04/5/2006. Chính phủ chấp thuận Kế hoạch 08/KH-TGCP của Ban Tôn giáo Chính phủ qua Công văn số 364/VPCP-NC, ngày 10/5/2006 [Ban Tôn giáo Chính phủ, 2016].

Thực hiện Kế hoạch 08/KH-TGCP, Ban Tôn giáo Chính phủ tổ chức các cuộc họp đối với các tổ chức tôn giáo chưa được công nhận, chủ yếu là các tổ chức Tin Lành để phổ biến quy định pháp luật mới về tôn giáo và hướng dẫn các tổ chức tôn giáo đăng ký và công nhận tư cách pháp nhân. Cụ thể: Các tổ chức Tin Lành, như: Hội thánh Cơ đốc Phục Lâm Việt Nam, Tổng hội Báp-tít Việt Nam (Ân điển-Nam phương), Tổng hội Báp-tít Việt Nam (Nam phương), Hội Truyền giáo Cơ đốc Việt Nam, Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam,... Riêng các cộng đồng Islam giáo, đạo Bà ni và các tôn giáo nội sinh Tây Nam Bộ, như: Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Tịnh độ Cư sỹ Phật hội Việt Nam,... Ban Tôn giáo các địa phương, như: An Giang, Tây Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Thuận, Ninh Thuận,... trực tiếp phổ biến Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo và hướng dẫn thủ tục đăng ký và công nhận tư cách pháp nhân.

Điều đáng quan tâm, hầu hết các tổ chức tôn giáo như đã nêu ở trên khi thực hiện thủ tục cấp đăng ký hoạt động và công nhận đều hình thành từ trước năm 1975 được nhà cầm quyền Việt Nam Cộng hòa đã công nhận, hoạt động ổn định trên 20 năm. Do vậy, theo Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (2004), từ khi đăng ký hoạt động đến công nhận chỉ sau một năm với đầy đủ hai bước theo quy định. Và, vì những thủ tục hành chính theo quy định nên nhiều tổ chức tôn giáo không thể cấp đăng ký hoặc công nhận ngay trong một thời gian đối với tất cả các tổ chức tôn giáo mà xếp sắp thời gian hợp lý, trước hết tập trung vào những tổ chức tôn giáo hoạt động ổn định trong phạm vi nhiều tỉnh thành phố.

Một vấn đề khác cũng cần chú ý liên quan đến thủ tục hành chính khi công nhận tư cách pháp nhân của một tổ chức tôn giáo cụ thể theo Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (2004) là phải có ý kiến đồng thuận của các ngành có liên quan, như: Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ

quốc Việt Nam, Ban Dân vận Trung ương, Bộ Công an; ý kiến của địa phương có trụ sở và những địa phương có đông tín đồ, chức sắc của tổ chức tôn giáo. Đối với một số tổ chức tôn giáo phạm vi hoạt động hẹp, các địa phương phải có ý kiến cụ thể về tín đồ, chức sắc và cơ sở thờ tự làm cơ sở để giải quyết. Điều này khác hẳn so với việc công nhận tư cách pháp nhân đối với các tổ chức Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo và Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) do cơ quan Ban Tôn giáo Chính phủ chịu trách nhiệm.

2.1. Công nhận pháp nhân đối với các tổ chức Tin Lành

Một trong những đặc trưng nổi bật của đạo Tin Lành là có nhiều tổ chức, hệ phái. Sau năm 1975, các tổ chức Tin Lành không được công nhận hoạt động, các sinh hoạt của những người theo đạo Tin Lành gặp khó khăn nên các tổ chức Tin Lành “phân tán để tồn tại” với cơ chế “Hội thánh tư gia” dẫn đến hình thành nhiều tổ chức, hệ phái mới. Sau này, khi Việt Nam mở cửa và hội nhập đã có thêm nhiều tổ chức Tin Lành du nhập từ bên ngoài vào. Thực hiện Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (2004), việc công nhận tổ chức cho các tổ chức Tin Lành là một trong những nội dung quan trọng. Theo thời gian, lần lượt các tổ chức Tin Lành có trước năm 1975 được công nhận. Đạo Tin Lành là tôn giáo xây dựng bộ máy tổ chức mang tính thế tục, bầu nhân sự lãnh đạo nhiệm kỳ theo cơ chế dân chủ. Đặc biệt, để được công nhận pháp nhân, các tổ chức Tin Lành đều tiến hành đại hội (gọi là Đại hội đồng) để xây dựng Hiến chương (điều lệ) bầu nhân sự lãnh đạo giáo hội. Riêng với đạo Tin Lành là tôn giáo có tính đặc thù riêng nên việc công nhận tư cách pháp nhân, ngoài Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (2004), Thủ tướng Chính phủ có văn bản quan trọng để giải quyết là Chỉ thị 01/2005/CT-TTg *Về một số công tác đối với đạo Tin lành*. Theo thời gian lần lượt các tổ chức Tin Lành được công nhận tư cách pháp nhân theo Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (2004) và Chỉ thị 01/2005/CT-TTg.

Hội Truyền giáo Cơ đốc Việt Nam thành lập năm 1956 tách ra từ Hội thánh Tin lành Việt Nam hoạt động chủ yếu ở miền Trung và Tây Nguyên. Sau năm 1975, các cơ sở của Hội Truyền giáo Cơ đốc Việt Nam vẫn duy trì các sinh hoạt ở gia đình và cơ sở theo cơ chế “Hội thánh tư gia”.

Thực hiện Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (2004), Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg (2005), Hội Truyền giáo Cơ đốc Việt Nam được Ban Tôn giáo Chính phủ cấp Giấy chứng nhận số 146/2006/GCN-TGCP, ngày 01/9/2006 *Về đăng ký hoạt động tôn giáo*. Sau hơn một năm hoạt động, Hội Truyền giáo Cơ đốc Việt Nam tổ chức Đại hội đồng thông qua Điều lệ và bầu Ban Trị sự Tổng hội. Được sự đồng thuận của các ngành, các địa phương có liên quan, thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 5646/VPCP-NC, ngày 05/10/2007, Ban Tôn giáo Chính phủ đã ban hành Quyết định số 175/2007/QĐ-TGCP, ngày 22/10/2007 công nhận về tổ chức của *Hội Truyền giáo Cơ Đốc Việt Nam*, tên giao dịch quốc tế: *Viet Nam Christian Mission Church*. Trụ sở Hội đặt tại K7/20 đường Lý Tự Trọng, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Điều lệ của Hội Truyền giáo Cơ đốc Việt Nam gồm 10 chương, 49 điều. Năm 2020, theo khai trình, Hội Truyền giáo Cơ Đốc Việt Nam 33.000 tín đồ, trong đó 21.000 tín đồ là dân tộc thiểu số, 15 chi hội, 195 điểm nhóm ở 15 tỉnh, thành phố, trong có những tỉnh tập trung đông, như: Kon Tum, Gia Lai, Quảng Trị,... [Ban Tôn giáo Chính phủ, 2020].

Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam. Cơ đốc Phục lâm có mặt ở Việt Nam năm 1915 nhưng năm 1929 được xác định là mốc thành lập Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam. Trước năm 1975, Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam là tổ chức lớn thứ hai sau Hội thánh Tin lành Việt Nam. Sau ngày 30/4/1975, cũng như số đông các tổ chức hệ phái Tin Lành khác, các giáo sĩ nước ngoài về nước, một số mục sư, truyền đạo di tản ra nước ngoài. Thời kỳ này, Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam vẫn duy trì các sinh hoạt tôn giáo ở cơ sở.

Thực hiện Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (2004) và Chỉ thị 01/2005/CT-TTg (2005), Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam được Ban Tôn giáo Chính phủ cấp Giấy Chứng nhận số 215/2006/GCN-TGCP, ngày 18/12/2006 *Về đăng ký hoạt động tôn giáo*. Sau hai năm hoạt động, Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam tổ chức Đại hội đồng thông qua Hiến chương và bầu Ban Quản trị giáo hội. Được sự đồng thuận của các ngành, các địa phương có liên quan, thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn 2458/VPCP-NC, ngày 17/4/2008, Ban Tôn giáo Chính phủ ra Quyết định 235/QĐ-TGCP, ngày 04/12/2008 công nhận về tổ chức của Cơ đốc Phục lâm với tên gọi

chính thức: *Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam*, tên giao dịch quốc tế: *Seventh-Day Adventist Church of Việt Nam*. Trụ sở của Giáo hội đặt tại số 224 đường Phan Đăng Lưu, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiến chương của Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam gồm 8 chương, 43 điều. Năm 2017, theo khai trình, Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam có số lượng hơn 20.000 tín đồ, 15 mục sư, truyền đạo, 16 chi hội, 191 điểm nhóm ở 33 tỉnh thành, trong đó có một số địa phương có đông tín đồ, như: Lâm Đồng, Đắk Lắk, Quảng Ngãi,... [Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam, 2017].

Tổng hội Báp-tít Việt Nam (Ấn Điện-Nam Phương). Hệ phái Báp-tít truyền vào Việt Nam thuộc Giáo hội Báp-tít miền Nam nước Mỹ (Southern Baptist Convention). Hệ phái Báp-tít truyền vào miền Nam năm 1959. Đến năm 1975, tổ chức Báp-tít xây dựng được 16 chi hội với khoảng gần 10 nghìn tín đồ. Sau năm 1975 do không được công nhận nên Tổng hội Báp-tít tách ra thành nhiều tổ chức, trong đó Tổng hội Báp-tít Việt Nam (Ấn điện - Nam phương) là tổ chức gốc, có mặt ở 23 tỉnh, thành phố.

Thực hiện Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (2004) và Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg (2005), Tổng hội Báp-tít Việt Nam (Ấn điện - Nam phương) được Ban Tôn giáo Chính phủ cấp Giấy Chứng nhận số 214/2006/GCN-TGCP, ngày 18/12/2006 Về đăng ký hoạt động tôn giáo. Sau hơn một năm hoạt động, Tổng hội Báp-tít Việt Nam (Ấn điện - Nam phương) tổ chức Đại hội đồng thông qua Hiến chương và bầu Ban Chấp hành Tổng hội. Được sự đồng thuận của các ngành, các địa phương có liên quan, thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn 2458/VPCP-NC, ngày 07/4/2008, Ban Tôn giáo Chính phủ ra Quyết định 109/QĐ-TGCP, ngày 07/5/2008, công nhận về tổ chức của *Tổng hội Báp-tít Việt Nam (Ấn điện - Nam phương)*, tên giao dịch quốc tế: *Vietnam General Baptist Church (Grace Southern)*. Trụ sở của Tổng hội đặt tại số 161, đường Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiến chương gồm 8 chương, 45 điều. Năm 2020, Tổng hội Báp-tít Việt Nam (Ấn điện - Nam phương) có 6.500 tín đồ (trong đó 1.000 tín đồ là dân tộc thiểu số) 13 chi hội, 66 điểm nhóm, 12 mục sư, 42 truyền đạo có mặt ở 23 tỉnh, thành phố, trong đó có địa phương đông tín đồ, như: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Tiền Giang, Ninh Thuận,... [Ban Tôn giáo Chính phủ, 2020].

Hội thánh Báp-tít Việt Nam (Nam phương). Sau năm 1975, hệ phái Báp-tít có thêm nhiều tổ chức mới ra đời hoặc cùng nguồn gốc từ Báp-tít miền Nam nước Mỹ, hoặc từ một số tổ chức Báp-tít khác ở Mỹ, với những tên gọi khác nhau. Trong số các tổ chức Báp-tít hình thành sau năm 1975, Hội thánh Báp-tít Việt Nam (Nam phương) là tổ chức lớn tách ra từ Báp-tít Việt Nam (Ân điển - Nam phương) có đông tín đồ và phạm vi hoạt động rộng trong nhiều tỉnh thành cả nước.

Thực hiện Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo và Chỉ thị số 01/2005/CT-TTG, Hội thánh Báp-tít Việt Nam (Nam phương) được Ban Tôn giáo Chính phủ cấp Giấy Chứng nhận số 810/2007/GCN-TGCP, ngày 26/9/2007 Về đăng ký hoạt động tôn giáo. Sau hơn một năm hoạt động và tổ chức Đại hội đồng thông qua Hiến chương và bầu Ban Chấp hành Tổng hội. Được sự đồng thuận của các ngành, các địa phương có liên quan, thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn 2458/VPCP-NC, ngày 07/4/2008, Ban Tôn giáo Chính phủ ban hành Quyết định 199/QĐ-TGCP, ngày 03/10/2008, công nhận về tổ chức của *Hội thánh Báp-tít Việt Nam (Nam phương)*, tên giao dịch quốc tế: *Vietnam Baptist Church - Southern*. Trụ sở lâm thời của Hội thánh tại 334/104/1, đường Chu Văn An, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiến chương của Hội thánh Báp-tít Việt Nam (Nam Phương) gồm 10 chương, 74 điều. Năm 2020, Hội thánh Báp-tít Việt Nam (Nam phương) có 45.000 tín đồ, 12 chi hội, 505 điểm nhóm, 275 mục sư, 300 truyền đạo có mặt ở 50 tỉnh thành phố, trong đó có những địa phương đông tín đồ, như: Cà Mau, Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2020).

Giáo hội Phúc âm Ngũ tuần Việt Nam. Năm 1957, một mục sư của tổ chức *Hội chúng của Chúa* (Assemblies of God - AG) vào Sài Gòn để thăm dò chuẩn bị cho các hoạt động truyền giáo. Năm 1973, Tin Lành Ngũ tuần được nhà cầm quyền cấp phép hoạt động. Sau năm 1975, Tin Lành Ngũ tuần hầu như không hoạt động. Từ cuối những năm 1980, đầu những năm 1990, Tin Lành Ngũ tuần hoạt động trở lại với phương thức “Hội thánh tư gia” với rất nhiều tên gọi khác nhau, trong đó Giáo hội Phúc âm Ngũ tuần Việt Nam có tín đồ đông và phạm vi hoạt động rộng nhất.

Thực hiện Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (2004) và Chỉ thị số 01/2005/CT (2005), Giáo hội Phúc âm Ngũ tuần Việt Nam được Ban

Tôn giáo Chính phủ cấp Giấy Chứng nhận số 810/2007/GCN-TGCP, ngày 24/9/2009 Về đăng ký hoạt động tôn giáo. Vì nhiều lý do, sau thời gian hơn 10 năm hoạt động, ngày 22/10/2019, theo Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (2016), Bộ Nội vụ ra Quyết định số 929/QĐ-BVN công nhận tổ chức của *Hội thánh Phúc âm Ngũ tuần Việt Nam*, tên giao dịch quốc tế: *The Assemblies of God of Việt Nam*. Trụ sở Giáo hội tại tầng 4, lô P401 tòa nhà New City Group, số 216 - 218 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2020, Giáo hội Phúc âm Ngũ tuần Việt Nam có 36.500 tín đồ (trong đó có 16.000 tín đồ là dân tộc thiểu số), 242 chi hội, 88 điểm nhóm, 50 mục sư, 206 truyền đạo có mặt ở 44 tỉnh, thành phố, trong đó có những địa phương tập trung đông tín đồ, như: Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Lâm Đồng,... [Giáo hội Phúc âm Ngũ tuần Việt Nam, 2017].

Hội thánh Tin Lành Mennonite Việt Nam. Tin Lành Mennonite vào hoạt động ở miền Nam Việt Nam từ năm 1954 dưới danh nghĩa một tổ chức cứu trợ xã hội với tên gọi là Ủy ban Trung ương Mennonite (Mennonite Central Committee - MCC). Sau năm 1975, các cơ sở tôn giáo, cơ sở xã hội của Tin Lành Mennonite hiến cho các hoạt động từ thiện xã hội. Từ năm 1981, tổ chức Ủy ban Trung ương Mennonite - MCC trở lại hoạt động viện trợ nhân đạo ở Việt Nam. Năm 1991, MCC được Chính phủ Việt Nam cho lập văn phòng đại diện tại Hà Nội. Từ đây, Tin Lành Mennonite hoạt động trở lại và phát triển tín đồ ở một số địa phương.

Thực hiện Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (2004) và Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg (2005), Hội thánh Tin Lành Mennonite Việt Nam được Ban Tôn giáo Chính phủ cấp Giấy Chứng nhận số 811/2007/GCN-TGCP, ngày 26/9/2007 Về đăng ký hoạt động tôn giáo. Sau hơn một năm hoạt động, Hội thánh Mennonite tổ chức Đại hội đồng thông qua Hiến chương và bầu Ban Trị sự Tổng hội. Được sự đồng thuận của các ngành, các địa phương có liên quan, thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn 2458/VPCP-NC, ngày 07/4/2008, Ban Tôn giáo Chính phủ ra Quyết định số 12/QĐ-TGCP, ngày 05/02/2009, công nhận về tổ chức đối với *Hội thánh Tin Lành Mennonite Việt Nam*, tên giao dịch quốc tế: *Vietnamese Mennonites Church*. Trụ sở của Hội thánh đặt tại 67/107 đường Búi Đình Tây, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiến chương Hội thánh

Mennonite Việt Nam gồm 11 chương, 34 điều. Năm 2020, Hội thánh Mennonite Việt Nam có 6.123 tín đồ (trong đó 3.200 tín đồ là dân tộc thiểu số), 90 điểm nhóm có mặt ở 24 tỉnh, thành phố, trong đó có những tỉnh tập trung đông tín đồ, như: Bình Phước, Gia Lai, Quảng Ngãi,... [Ban Tôn giáo chính phủ, 2020].

Hội thánh Tin Lành Trưởng lão Việt Nam. Tin Lành Trưởng lão có mặt ở miền Nam Việt Nam năm 1986, đến năm 1972 được nhà cầm quyền công nhận. Sau 30/4/1975, Tin Lành Trưởng lão hầu như không hoạt động. Những năm cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, Tin Lành Trưởng lão hoạt động trở lại với sự giúp đỡ của Tin Lành Trưởng lão Mỹ và vai trò của Mục sư, Tiến sỹ Nguyễn Xuân Bảo thông qua các hoạt động từ thiện xã hội đã thu hút nhiều người tin theo.

Thực hiện Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (2004) và Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg (2005), Hội thánh Tin Lành Trưởng lão Việt Nam được Ban Tôn giáo Chính phủ cấp Giấy Chứng nhận số 843/2007/GCN-TGCP, ngày 05/10/2007 Về đăng ký hoạt động tôn giáo. Sau hơn một năm hoạt động, Hội thánh Tin Lành Trưởng lão Việt Nam tổ chức Đại hội đồng thông qua Hiến chương và bầu Hội đồng quản trị Tổng hội. Được sự đồng thuận của các ngành, các địa phương có liên quan, thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, tại Công văn 2458/VPCP-NC, ngày 07/4/2008, Ban Tôn giáo Chính phủ ký Quyết định 234/QĐ-TGCP, ngày 04/12/2008, công nhận tổ chức *Hội thánh Tin Lành Trưởng lão Việt Nam*, tên giao dịch quốc tế: *Presbyterian Church of Việt Nam*. Trụ sở tạm thời của Hội thánh tại C4/18 Bis đường Phạm Hùng, quận Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiến chương Hội thánh Tin Lành Trưởng Lão Việt Nam gồm 09 chương và 56 điều. Năm 2017, Hội thánh Tin Lành Trưởng lão Việt Nam có 18.000 tín đồ (trong đó 95% là dân tộc thiểu số), 02 chi hội, 250 điểm nhóm, 68 mục sư, 182 truyền đạo và trưởng điểm nhóm ở 22 tỉnh, thành phố, trong đó có những địa phương có đông tín đồ, như: Khánh Hòa, Bình Phước, Đắk Nông, Lâm Đồng, Hà Giang, Sơn La,... [Hội thánh Tin Lành Trưởng lão Việt Nam, 2017].

Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam. Đây là tổ chức Tin Lành lập ra năm 1963 có nguồn gốc từ Hội thánh Tin Lành Việt Nam, được công nhận từ năm 1974. Sau năm 1975, Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam hoạt động mờ nhạt, cho đến giữa những năm 1980 của thế

kỷ XX mới hoạt động trở lại theo xu hướng Tin Lành Ngũ tuần. Tách ra từ Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) có xu hướng Ngũ tuần nên Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam tự nhận mình là đứng giữa Tin Lành truyền thống (CMA) và Tin Lành Ngũ tuần.

Thực hiện Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (2004) và Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg (2005), Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam được Ban Tôn giáo Chính phủ cấp Giấy Chứng nhận số 844/2007/GCN-TGCP, ngày 05/10/2007 Về đăng ký hoạt động tôn giáo. Sau hơn một năm hoạt động, Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam tổ chức Đại hội đồng thông qua Hiến chương và bầu Hội đồng quản trị Tổng hội. Được sự đồng thuận của các ngành, các địa phương có liên quan, thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn 2458/VPCP-NC, ngày 07/4/2008, Ban Tôn giáo Chính phủ ra Quyết định 84/QĐ-TGCP, ngày 14/6/2010 công nhận *Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam*, tên giao dịch quốc tế: *Christian Fellowship Church of Vietnam*. Trụ sở tạm thời của Hội thánh đặt tại 14.6b, ấp Đông, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiến chương Hội thánh Liên Hữu Cơ đốc Việt Nam gồm 08 chương, 61 điều. Năm 2020, Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam là 58.000 tín đồ, 973 mục sư, mục sư nhiệm chức có mặt ở 58 tỉnh, thành trong cả nước, trong đó có những địa phương đông tín đồ, như: Lào Cai, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Bình Phước, Đắk Nông,... [Ban Tôn giáo Chính phủ, 2020].

2.2. Công nhận pháp nhân đối với các tổ chức tôn giáo khác

Cùng với việc công nhận các tổ chức của đạo Tin Lành nói trên, sau Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (2004), Nhà nước còn công nhận các tổ chức tôn giáo khác dưới hai hình thức, hoặc do Ban Tôn giáo Chính phủ công nhận hoặc do chính quyền các địa phương công nhận. Cụ thể, các tổ chức tôn giáo do Ban Tôn giáo Chính phủ công nhận:

Tịnh độ Cư sỹ Phật hội Việt Nam gồm: Giấy chứng nhận số 147/GCN-TGCP, ngày 01/9/2006 Về đăng ký hoạt động tôn giáo; Quyết định 207/QĐ-TGCP, ngày 27/11/2008 Về công nhận Tịnh độ Cư sỹ Phật hội Việt Nam (Kèm theo xác nhận của Ban Tôn giáo của 21 tỉnh, thành phố có liên quan).

Hội đồng Tôn giáo Baha'i Việt Nam gồm: Giấy chứng nhận số 105/GCN-TGCP, ngày 28/02/2007 Về đăng ký hoạt động tôn giáo;

Quyết định 150/QĐ-TGCP, ngày 14/7/2008 Về công nhận Hội đồng Tinh thần Baha'i Việt Nam (Kèm theo xác nhận của Ban Tôn giáo của các tỉnh, thành phố có liên quan).

Minh Lý đạo - Tam tông miếu gồm: Giấy chứng nhận số 693/GCN-TGCP số 693/GCN-TGCP, ngày 17/8/2007 Về đăng ký hoạt động tôn giáo; Quyết định 195/QĐ-TGCP, ngày 01/10/2008 Về công nhận Minh lý đạo - Tam tông miếu (Kèm theo xác nhận của Ban Tôn giáo 03 tỉnh, thành phố có liên quan).

Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo gồm: Giấy chứng nhận số 694/GCN-TGCP, ngày 17/8/2007 Về đăng ký hoạt động tôn giáo; Quyết định 196/QĐ-TGCP, ngày 01/10/2008 Về công nhận Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo (Kèm theo xác nhận của Ban Tôn giáo 18 tỉnh, thành phố có liên quan).

Giáo hội Các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giê-su Ky-tô Việt Nam (Mặc Môn) gồm: các Giấy chứng nhận sinh hoạt tôn giáo ở cơ sở của các địa phương, như: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội,... Sau đó, ngày 30/5/2014, Ban Tôn giáo Chính phủ công nhận Ban Đại diện lâm thời, đến ngày 30/5/2016 là Quyết định 173/QĐ-TGCP công nhận Ban Đại diện chính thức. Khi thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (2016), ngày 14/11/2019, Ban Tôn giáo Chính phủ cấp Giấy chứng nhận số 02/CH-TGCP Về đăng ký hoạt động tôn giáo của Giáo hội các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giê-su Ky-tô Việt Nam.

Các tổ chức tôn giáo do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành công nhận [Ban Tôn giáo Chính phủ, 2016], gồm: Quyết định 2775/QĐ-UBND, ngày 17/12/2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang công nhận Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo tỉnh An Giang; Quyết định 4106/QĐ-UBND, ngày 01/10/2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận công nhận Hội đồng Sư cả Hồi giáo Bà ni tỉnh Ninh Thuận; Quyết định 259/QĐ-SNV, ngày 18/3/2009 của Sở Nội vụ tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu công nhận Bửu Sơn Kỳ Hương (cùng thời gian này các tỉnh An Giang, Vĩnh Long, Long An cũng công nhận các cơ sở của Bửu Sơn Kỳ Hương tạ địa phương); Quyết định 1114/QĐ-UBND, ngày 16/6/2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang công nhận Đạo hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa; Công văn 710/CV-UBND, ngày 01/10/2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh công nhận Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo tỉnh Tây Ninh; Quyết định 1192/QĐ-UBND, ngày 18/6/2012 của Ủy ban

Nhân dân tỉnh Ninh Thuận công nhận Hội đồng Chức sắc Chăm Bà-la-môn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định 1232/QĐ-UBND, ngày 22/6/2012 Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận công nhận Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo tỉnh Ninh Thuận; Quyết định 2161/QĐ-UBND, ngày 31/10/2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận công nhận Hội đồng Sư cả Hồi giáo Bà ni tỉnh Bình Thuận; Quyết định 2605/QĐ-UBND, ngày 19/12/2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận công nhận Hội đồng Chức sắc Chăm Bà-la-môn tỉnh Bình Thuận; Giấy chứng nhận 277/GCN-BTG, ngày 22/9/2016 của Ban Tôn giáo tỉnh Kiên Giang đối với Hiếu nghĩa Tà Lon,...

Cùng với việc cấp đăng ký hoạt động và công nhận pháp nhân tôn giáo đối với các tổ chức tôn giáo như nói trên, chính quyền các địa phương đã cấp đăng ký hoạt động cho các cơ sở tôn giáo tồn tại độc lập, chủ yếu là của đạo Cao Đài. Xin được nêu danh một số cơ sở như sau: Quyết định 329/QĐ-CN ngày 30/8/1999 của Ban Tôn giáo Thành phố Hồ Chí Minh về việc công nhận cơ sở Cao Đài Liên Hoa Cửu Cung Thiên đạo Học đường; Quyết định số 345/QĐ-CN ngày 04/9/1999 của Ban Tôn giáo Thành phố Hồ Chí Minh về việc công nhận cơ sở Cao Đài Bàu Sen; Quyết định 330/QĐ-CN ngày 30/8/2000 của Ban Tôn giáo Thành phố Hồ Chí Minh về việc công nhận cơ sở Chiếu Minh Đàn Chợ Lớn; Quyết định 1484/QĐ-UBND ngày 06/6/2011 của UBND tỉnh Tiền Giang công nhận cơ sở Cao Đài Việt Nam (Lương Hòa Lạc); Quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 27/3/2014 của UBND thành phố Cần Thơ về việc công nhận cơ sở Thiên Trước,... [Ban Tôn giáo Chính phủ, 2016].

Đến năm 2018 khi thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, hầu hết các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam đều được công nhận tư cách pháp nhân - có địa vị pháp lý hoạt động tôn giáo theo đúng chức năng, yêu cầu của mỗi tổ chức tôn giáo và quy định của pháp luật. Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (2016) sẽ tiếp tục công nhận các tổ chức tôn giáo đã đăng ký hoạt động, và thực hiện hai bước đăng ký và công nhận đối với các tổ chức tôn giáo mới thành lập nếu đủ điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Kết luận

Như vậy, với sự đa dạng về tổ chức tôn giáo, việc công nhận pháp nhân tổ chức tôn giáo đối với Việt Nam là nội dung rất quan trọng

trong quan hệ và ứng xử với tôn giáo. Công nhận pháp nhân tôn giáo ở Việt Nam đã được thực hiện từ khá sớm nhưng sau năm 1975 vì nhiều lý do, trong đó có nhận thức về tôn giáo nên đã không công nhận tất cả các tổ chức tôn giáo ở phía Nam. Thực hiện Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo với quy định pháp luật cụ thể, vấn đề pháp nhân tôn giáo đã được giải quyết rất cơ bản. Tính đến năm 2018, cả nước có tất cả 41 tổ chức tôn giáo được cấp đăng ký hoạt động và công nhận, trong đó chỉ có ba tổ chức cấp đăng ý hoạt động. Như vậy, nếu trừ ba tổ chức đã được công nhận pháp nhân trước đổi mới, còn lại 38 tổ chức tôn giáo được công nhận pháp nhân kể từ khi đất nước bước vào thời kỳ Đổi mới - một con số rất ấn tượng về thực hiện chính sách đối với tôn giáo ở Việt Nam thời kỳ Đổi mới.

Các tổ chức tôn giáo được công nhận pháp nhân đã tạo sự phấn khởi trong tín đồ, chức sắc, củng cố lòng tin của các tôn giáo vào Đảng, Nhà nước và chế độ. Các tổ chức tôn giáo được công nhận tư cách pháp nhân đều xây dựng đường hướng tiến bộ, tuân thủ pháp luật, gắn bó với dân tộc, tích cực tham gia hoạt động từ thiện xã hội. Chính những đóng góp của các tôn giáo trong lĩnh vực an sinh xã hội để Đảng, Nhà nước đã nâng cấp đánh giá tôn giáo, coi tôn giáo là nguồn lực đóng góp cho xã hội. Về vấn đề pháp nhân tôn giáo thời kỳ Đổi mới chính sách tôn giáo ở Việt Nam, xin được nhắc lại ý kiến của tác giả Đỗ Quang Hưng: “Có thể coi đây là dấu son trong sự đổi mới đường lối, chính sách tôn giáo ở nước ta nói chung và sự tiến bộ vượt bậc của pháp luật tôn giáo ở Việt Nam nói riêng” [Đỗ Quang Hưng, 2014: 422]./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tôn giáo Chính phủ (2004), *Văn bản pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
2. Ban Tôn giáo Chính phủ (2015), *Văn bản pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo*, (Tái bản có bổ sung), Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. Ban Tôn giáo Chính phủ (2016), *Hồ sơ công nhận tổ chức tôn giáo sau Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo 2005-2016*, Tài liệu lưu trữ, Hà Nội 2016.
4. Ban Tôn giáo Chính phủ (2017), *Tài liệu giới thiệu Luật Tín ngưỡng, tôn giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

5. Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam (Văn phòng Ban quản trị - 2017), *Số liệu 2017*, Tp. Hồ Chí Minh.
6. Giáo hội Phúc âm Ngũ tuần Việt Nam (Văn phòng Tổng quản trị - 2017), *Số liệu 2017*, Tp. Hồ Chí Minh.
7. Hội thánh Tin lành Trưởng lão Việt Nam (Văn phòng Hội đồng quản trị - 2017), *Số liệu 2017*, Tp. Hồ Chí Minh.
8. Đỗ Quang Hưng (2014), *Tôn giáo - Nhà nước - Pháp luật*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Nguyễn Thanh Xuân (2019), *Đạo Tin Lành trên thế giới và ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

Abstract

LEGAL REGULATIONS AND THE RECOGNITION OF THE RELIGIOUS LEGAL ENTITY DURING THE INNOVATION

Nguyen Thanh Xuan

Ho Chi Minh National Academy of Politics

At the beginning of the Innovation period, one of the key issues in religious work and State management of religious activities was the recognition of religious organizations. Under the direct leadership of the Communist Party of Vietnam, from 1995 to 2004, Three major religious traditions in the South of Vietnam - ten Caodai organizations, the Church of Hòa Hảo Buddhism, and the Vietnam Church of Evangelical (the South) - were granted legal entity status. Building on these achievements and experiences, the 2004 Ordinance on Belief and Religion, and later the 2016 Law on Belief and Religion stipulated specific provisions for recognizing religious legal entities. Since then, the recognition of religious legal entities in Vietnam has been implemented in accordance with the law and yielded crucial results.

Keywords: Religious policy, religious legal entity, law regulations, implement